

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐẤT
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 15/4/2025.

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Mộng Thu.

2/ Ông Phạm Hồng Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 423/2024/TLST-DS ngày 16/12/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-DS ngày 07/3/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐST-DS ngày 26/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: [Công ty T](#) (Việt Nam); Địa chỉ: [I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Lee Yun H](#) – Chức vụ: Tổng Giám đốc (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: 1/ Ông [Trần La Ngọc H1](#) – chức vụ: Trưởng phòng tổ tụng Cấp cao, [Công ty T](#). (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: [I P, phường B, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh](#).

2/ [Công ty L1](#)

Địa chỉ: [B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh](#).

Người đại diện theo pháp luật: Ông [Cồ Lê H2](#) – chức vụ: Giám đốc [Công ty L1](#) (Vắng mặt)

Ông [H2](#) ủy quyền lại cho: Ông [Võ Bá L](#), sinh năm 2002- Chức danh: Nhân viên. (Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: [B L, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh](#).

- Bị đơn: Ông [Huỳnh Văn H3](#), sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: [tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn [Công ty T](#) (Việt Nam) là ông [Võ Bá L](#) trình bày:

Ngày 06/03/2023, [Công ty T](#) (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là “[Công ty T](#)”) ký Hợp đồng tín dụng số: 4364107 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông [Huỳnh Văn H3](#) với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn), trong đó bao gồm: 36.000.000 đồng tiền vay và 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 58%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/03/2025.

Sau khi ký kết, vào ngày 07/03/2023 [Công ty T](#) đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông [Huỳnh Văn H3](#) với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông [Huỳnh Văn H3](#) đã cung cấp. Qua đó, ông [Huỳnh Văn H3](#) có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía [Công ty T](#) theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 10 hàng tháng.

Tuy nhiên, từ ngày 12/12/2023, ông [Huỳnh Văn H3](#) đã ngừng thanh toán khoản vay cho phía [Công ty T](#) mặc dù phía Công ty đã nhiều lần nhắc nhở cũng như gọi điện liên hệ để đề nghị ông [Huỳnh Văn H3](#) thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình nhưng không nhận được bất kỳ phản hồi tích cực nào từ phía ông [Huỳnh Văn H3](#) về việc thanh toán khoản vay đã quá hạn trên. Tính đến thời điểm hiện tại, ông [Huỳnh Văn H3](#) chỉ thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền 27.184.534 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó bao gồm: 9.450.666 đồng tiền gốc; 17.576.487 đồng tiền lãi; 108.227 đồng tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán được thể hiện cụ thể tại Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng).

Việc ông [Huỳnh Văn H3](#) cố tình trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo thỏa thuận trong “Hợp đồng tín dụng” mà đôi bên ký kết đã trực tiếp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của [Công ty T](#).

Tính đến ngày 15/04/2025, ông [Huỳnh Văn H3](#) đã trễ hạn, không thanh toán các khoản tiền như sau:

- Số nợ gốc còn lại chưa thanh toán (số tiền gốc phải thanh toán): 29.321.334 đồng.
- Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (số tiền lãi chưa trả tính từ kỳ 10 đến kỳ 24, chi tiết tại bảng Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng): 10.580.851 đồng.
- Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn ($150\% \times$ lãi suất năm $\times$ số tiền gốc phải trả mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn /365 ngày): 15.214.981 đồng.
- Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán ($10\% \times$ số tiền lãi phải thanh toán mỗi kỳ $\times$ số ngày trễ hạn /365 ngày): 1.005.186 đồng.

Nay [Công ty T](#) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông [Huỳnh Văn H3](#) phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho [Công ty T](#) (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 15/4/2025 với tổng số tiền là 56.122.352 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày 16/4/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 4364107 ngày 06/3/2023.

Bị đơn ông [Huỳnh Văn H3](#) vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại phiên tòa ông [H3](#) vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định về tố tụng.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông [Huỳnh Văn H3](#) phải thanh toán toàn bộ khoản vay cho [Công ty T](#) (Việt Nam) (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi, phí) tính đến ngày 15/4/2025 với tổng số tiền là 56.122.352 đồng và lãi phát sinh từ sau ngày 16/4/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 4364107 ngày 06/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn [Công ty T](#) (Việt Nam) với bị đơn ông [Huỳnh Văn H3](#) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn [Công ty T](#) (Việt Nam) và người đại diện theo ủy quyền đều vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn ông [Huỳnh Văn H3](#) vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy, ngày 06/03/2023, [Công ty T](#) (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là “[Công ty T](#)”) ký Hợp đồng tín dụng số: 4364107 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng tín dụng”) về việc cấp tín dụng cho ông [Huỳnh Văn H3](#) với khoản vay trị giá 38.772.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn), trong đó bao gồm: 36.000.000 đồng tiền vay và 2.772.000 đồng tiền bảo hiểm khoản vay. Mục đích vay để tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Lãi suất vay: 58%/năm. Thời hạn vay là 24 tháng tính từ ngày 10/04/2023 đến ngày 10/03/2025.

Sau khi ký kết, vào ngày 07/03/2023 [Công ty T](#) đã tiến hành giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông [Huỳnh Văn H3](#) với hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng mà ông [Huỳnh Văn H3](#) đã cung cấp. Qua đó, ông [Huỳnh Văn H3](#) có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền hàng tháng cho phía [Công ty T](#) theo đúng thỏa thuận đã ký kết tại Hợp đồng tín dụng trên vào ngày 10 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông [Huỳnh Văn H3](#) chỉ thanh toán được 09 kỳ với tổng số tiền 27.184.534 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, năm trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó bao gồm: 9.450.666 đồng tiền gốc; 17.576.487 đồng tiền lãi; 108.227 đồng tiền phí thu hộ (lịch sử thanh toán được thể hiện cụ thể tại Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng). Từ ngày 12/12/2023, ông [Huỳnh Văn H3](#) đã vi phạm hợp đồng, không trả tiền gốc và lãi cho Công ty theo đúng cam kết.

Hiện nay qua xác minh ông [Huỳnh Văn H3](#) hiện vẫn cư trú tại địa chỉ [tổ G, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#). Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của ông [H3](#) theo quy định, tuy nhiên ông [H3](#) không tới Tòa án làm việc, không chứng minh được đã hoàn trả các khoản nợ cho [Công ty T](#). Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của [Công ty T](#), buộc ông [Huỳnh Văn H3](#) phải trả cho [Công ty T](#) tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 15/4/2025 là 56.122.352 đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc: 29.321.334 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 10.580.851 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 9.126.044 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán 1.005.186 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày ngày 16/4/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 4364107 ngày 06/3/2023.

[3] Về án phí: ông [Huỳnh Văn H3](#) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật là 2.806.117 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; 227 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của [Công ty T](#) (VIỆT NAM) đối với ông [Huỳnh Văn H3](#) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Buộc ông [Huỳnh Văn H3](#) có nghĩa vụ trả cho [Công ty T](#) (VIỆT NAM) số tiền nợ tính đến ngày 15/4/2025 là 56.122.352 đồng (Trong đó: Số tiền nợ gốc: 29.321.334 đồng; Số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 10.580.851 đồng; Số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 9.126.044 đồng; Số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán 1.005.186 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày ngày 16/4/2025 đến khi hoàn tất việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng tín dụng số 4364107 ngày 06/3/2023.

2. Về án phí: + Ông [Huỳnh Văn H3](#) phải nộp là 2.806.117 đồng (Hai triệu tám trăm lẻ sáu ngàn một trăm mười bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho [Công ty T](#) (VIỆT NAM) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 930.622 đồng (chín trăm ba mươi ngàn sáu trăm hai mươi hai đồng) theo biên lai thu tiền số 0003983 ngày 09/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là [huyện L](#)), [tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 15/4/2025, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên [Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu](#) để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Đất;
- Chi cục THA dân sự H. Long Đất;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Phương

